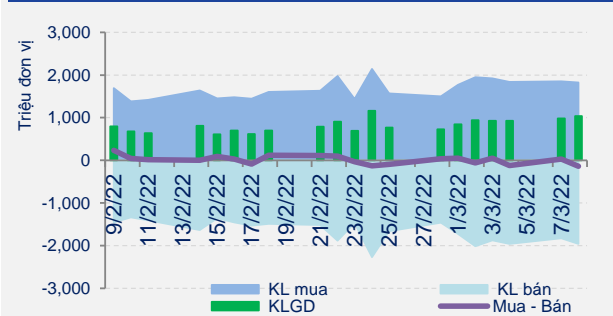
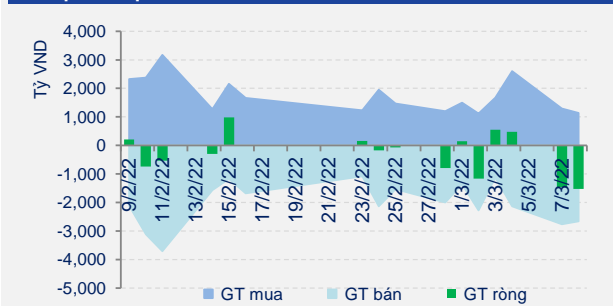


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/3/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,473.71	445.89
% Thay đổi	↓ -1.69%	↓ -1.54%
KLGD (CP)	1,037,534,713	147,316,273
GTGD (tỷ đồng)	34,517.91	4,327.15
Tổng cung (CP)	1,960,205,700	209,323,400
Tổng cầu (CP)	1,822,033,000	169,472,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	60,669,662	1,099,350
KL mua (CP)	28,078,400	627,819
GT mua (tỷ đồng)	1,140.14	31.67
GT bán (tỷ đồng)	2,659.58	31.77
GT ròng (tỷ đồng)	(1,519.44)	(0.10)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.45%	21.2	3.5	1.4%
Công nghiệp	↓ -2.08%	23.4	3.3	14.0%
Dầu khí	↓ -2.31%	21.2	2.3	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.20%	-	10.7	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.34%	16.8	2.6	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.83%	19.3	3.6	9.4%
Ngân hàng	↓ -1.81%	12.2	2.4	11.3%
Nguyên vật liệu	↓ -2.55%	11.0	2.6	21.3%
Tài chính	↓ -1.78%	20.3	3.2	31.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.94%	19.4	3.1	2.7%
VN - Index	↓ -1.69%	17.2	3.2	
HNX - Index	↓ -1.54%	21.7	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau cuộc đàm phán lần 3 giữa Nga và Ukraine, vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức nào đạt được về việc hạ nhiệt căng thẳng đã khiến cho thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh trong phiên đêm qua với việc 3 chỉ số chính đều giảm từ 2,4% đến 3,6%. Diễn biến này đã có ảnh hưởng tiêu cực đến các thị trường châu Á trong phiên hôm nay và Việt Nam cũng đi theo xu hướng này nhưng với mức giảm nhẹ hơn. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 25,34 điểm (-1,69%) xuống 1.473,71 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 95 mã tăng (16 mã tăng trần), 34 mã tham chiếu, 370 mã giảm (12 mã giảm sàn). Thị trường giảm nhẹ trong phần lớn thời gian nhưng áp lực bán gia tăng sau 14h đã khiến VN-Index kết phiên ở mức thấp nhất. Nhóm cổ phiếu tăng mạnh trong thời gian trước như thép, dầu khí và hóa chất đồng loạt điều chỉnh có thể kể đến HPG (-3,2%), NKG (-2,6%), HSG (-4,8%), TLH (-4,4%)...; GAS (-3,1%), PVS (-1,6%), BSR (-2,7%), PLX (-3,2%), OIL (-1,4%)...; DPM (-3,9%), DGC (-4,2%), DCM (-2,1%), CSV (-2%)... Trong nhóm VN30 (-1,26%), có đến 22/30 mã giảm tạo áp lực đè nặng lên thị trường, tiêu biểu nhất là nhóm ngân hàng như VCB (-4%), MBB (-3,7%), STB (-2,1%), ACB (-2%), VPB (-1,9%), BID (-1,5%), HDB (-0,2%)...; VJC (+2,1%), FPT (+1,1%), POW (+0,9%), SAB (+0,6%), MSN (+0,4%), SSI (+0,4%) là 6 mã thuộc nhóm VN30 giữ được sắc xanh. Các cổ phiếu chứng khoán sau khi tăng giá trong phiên sáng cũng đã đảo chiều sang sắc đỏ trong phiên chiều khi áp lực cung gia tăng VND (-1,4%), SHS (-1,6%), HCM (-0,5%), APG (-1,1%), VIX (-1,1%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận phiên giảm mạnh thứ 2 từ sau Tết với mức giảm 1,7% trên chỉ số VN-Index, chỉ thấp hơn mức giảm 2% vào ngày 14/2. Thị trường chứng khoán thế giới mà đại diện là chứng khoán Mỹ cũng đang có những diễn biến tiêu cực với việc chỉ số Dow Jones và S&P500 đã giảm hơn 10% từ mức đỉnh tạo vào đầu năm. Đáng chú ý, chỉ số Nasdaq đã giảm hơn 20% từ mức đỉnh vào tháng 11/2021 để chính thức bước vào "thị trường gấu" (bear market). Thị trường Việt Nam rõ ràng là đang có sự thể hiện tốt hơn hẳn các thị trường lớn trên thế giới. Trên góc độ phân tích kỹ thuật, với phiên giảm mạnh hôm nay nhưng VN-Index vẫn đang giữ được biên độ dao động 1.470-1.520 điểm từ sau Tết đến nay và mẫu hình nền của 3 phiên gần đây khá giống với mẫu hình nền của 3 phiên từ 10/2 đến 14/2. Do đó, nếu như không có những sự kiện tiêu cực xảy ra trong đêm nay thì VN-Index có thể hồi phục trở lại trong phiên tiếp theo 9/3. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và cân nhắc mua thêm nếu như có nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 1.425-1.450 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

8/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng dần cho đến khi hết phiên đã khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 25,34 điểm (-1,69%) xuống 1.473,71 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 3.400 đồng, GAS giảm 3.900 đồng, HPG giảm 1.650 đồng. Ở chiều ngược lại, VJC tăng 2.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu phiên cho đến cuối phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 445,44 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 6,97 điểm (-1,54%) xuống 445,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 2.300 đồng, CEO giảm 5.500 đồng, L14 giảm 15.200 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT tăng 1.800 đồng.

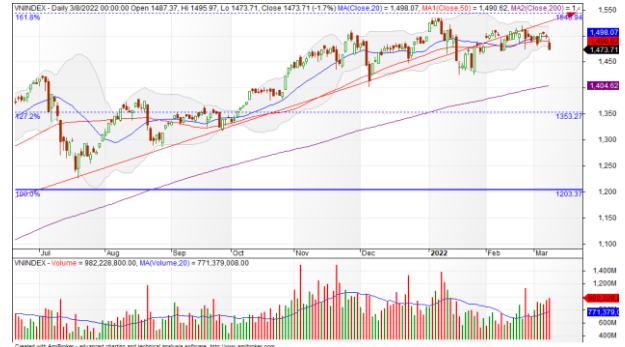
GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.519,44 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 32,6 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 220,7 tỷ đồng tương ứng với 4,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GEX với 105,6 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NKG là mã được mua ròng nhiều nhất với 24,3 tỷ đồng tương ứng với 488 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 26,08 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 471,5 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,5 tỷ đồng tương ứng với 302 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SCI với 3,2 tỷ đồng tương ứng với 110 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 20,3 tỷ đồng tương ứng với 269 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm khá mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh và đã áp đảo được bên mua đỡ giá.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,69%) thì chỉ số VN-Index đã đánh mất vùng hỗ trợ trong khoảng 1.490-1.500 điểm (MA20-50) nên xu hướng tăng của thị trường đã bị suy yếu đi phần nào đó. Nhưng ngưỡng hỗ trợ quanh 1.470 điểm tương ứng với vùng đáy của thị trường từ sau Tết đến nay vẫn giữ được nên khả năng để hồi phục là vẫn còn.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 9/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.490-1.500 điểm (MA20-50).

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Kim ngạch thương mại Việt - Mỹ tăng khoảng 250 lần sau 26 năm

Kim ngạch thương mại song phương giữa 2 nước tăng từ 450 triệu USD năm 1995 lên hơn 111 tỷ USD năm 2021. Nhiều năm qua, Mỹ đã đầu tư vào Việt Nam gần 1.150 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 10,3 tỷ USD.



TIN TRONG NƯỚC

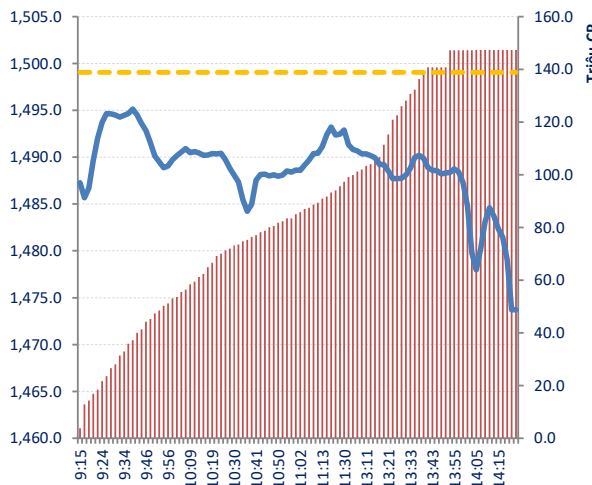
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 70 - 72,2 triệu đồng/lượng, giảm 1.500.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 1.300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 8/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.171 VND/USD, tăng 12 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

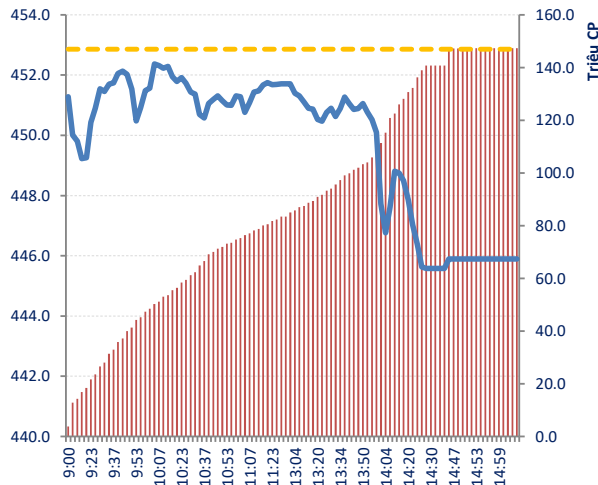
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 20,5 USD/ounce tương ứng với 1,04% lên 2.016,7 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,07 điểm tương ứng 0,07% xuống 99,235 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0870 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3100 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,61 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,99 USD/thùng tương ứng với 1,67% lên 121,5 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/3, Dow Jones giảm 797,42 điểm tương đương 2,37% xuống 32.817,38 điểm. Nasdaq giảm 482,48 điểm tương đương 3,62% xuống 12.830,96 điểm. Nasdaq Composite giảm 127,78 điểm tương đương 2,95% xuống 4.201,09 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

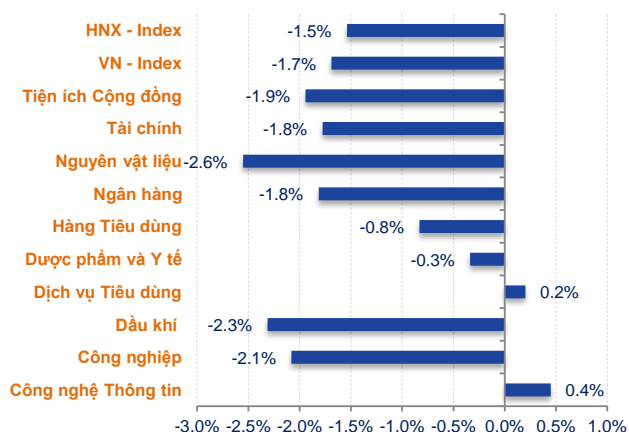
KLGD và VN-Index trong phiên



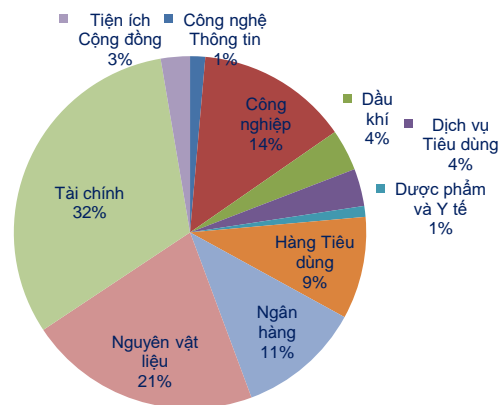
KLGD và HNX-Index trong phiên



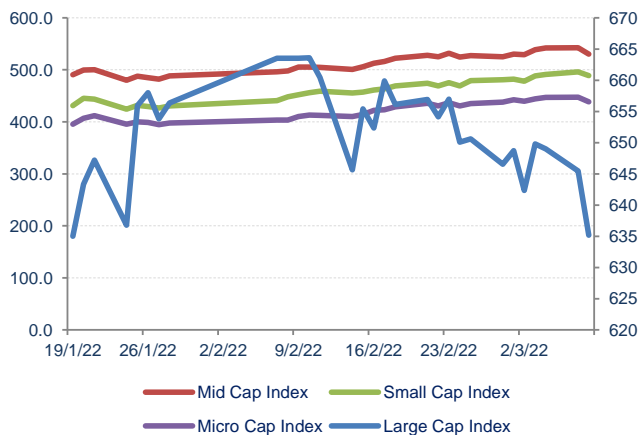
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



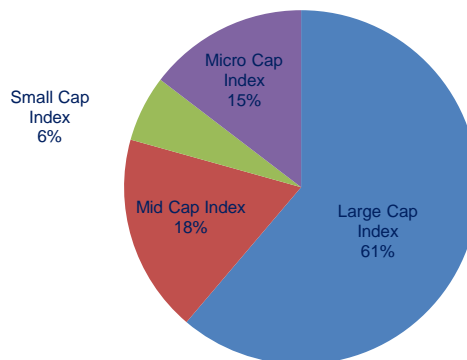
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NKG	488,200	HPG	4,397,400	1	IDC	269,000	PVS	302,200
2	DXG	400,900	GEX	2,612,300	2	PVI	47,600	SCI	109,771
3	SBT	362,100	FUEVFVND	2,480,700	3	PGS	34,500	PVG	102,200
4	PC1	332,300	SSI	1,858,200	4	KVC	11,300	DST	100,800
5	VND	221,500	VIC	1,350,949	5	INC	9,800	PCG	49,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	51.10	49.45	↓ -3.23%	41,898,600	PVS	38.60	38.00	↓ -1.55%	13,913,238
MBB	32.20	31.00	↓ -3.73%	28,272,500	CEO	70.00	64.50	↓ -7.86%	8,916,240
DXG	42.00	40.00	↓ -4.76%	27,454,300	SHS	43.90	43.20	↓ -1.59%	7,695,345
FLC	13.20	13.00	↓ -1.52%	25,769,800	KLF	6.80	6.60	↓ -2.94%	6,832,211
SSI	46.80	47.00	↑ 0.43%	24,333,500	HUT	34.00	35.80	↑ 5.29%	4,760,999

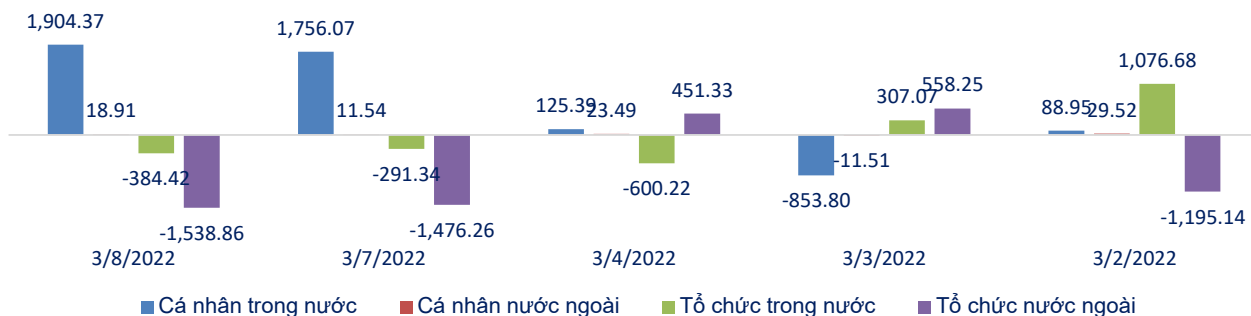
Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FTM	5.86	6.27	0.41	↑ 7.00%	PDC	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
OGC	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	THS	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
FCM	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%	VGP	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
DAH	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	ONE	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
VAF	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%	PMP	36.30	39.90	3.60	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FRT	130.00	120.90	-9.10	↓ -7.00%	VMS	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%
FDC	26.45	24.60	-1.85	↓ -6.99%	VDL	26.70	24.10	-2.60	↓ -9.74%
YEG	28.65	26.65	-2.00	↓ -6.98%	ATS	27.90	25.20	-2.70	↓ -9.68%
ACL	23.00	21.40	-1.60	↓ -6.96%	VXB	43.90	39.70	-4.20	↓ -9.57%
VIP	13.00	12.10	-0.90	↓ -6.92%	KTS	22.00	19.90	-2.10	↓ -9.55%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	216.21	22.4%	3,047	15.4	3.4
GEX	158.21	7.3%	1,490	27.6	1.7
HPG	112.48	46.0%	7,708	6.6	2.5
VIC	102.48	-1.9%	(717)	-	1.9
VCB	95.77	21.3%	4,629	18.3	3.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	-29.00	50.0%	10,421	4.8	1.9
HAH	-22.38	27.5%	8,704	10.6	2.4
VSC	-18.70	13.5%	5,534	8.2	1.7
DXG	-16.65	10.3%	1,942	21.6	1.9
BID	-15.99	12.7%	2,090	20.2	2.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	24.83	27.3%	6,895	19.5	4.7
KDH	12.55	13.1%	1,931	27.9	3.4
HPG	9.69	46.0%	7,708	6.6	2.5
VND	4.93	34.9%	7,476	10.2	3.9
PVD	3.36	0.1%	46	822.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-4.89	15.3%	2,210	42.6	6.1
NVL	-4.70	8.8%	1,692	44.9	3.6
DPM	-4.04	32.9%	7,964	8.1	2.4
FUEVFVND	-3.06	N/A	N/A	N/A	N/A
VCI	-3.05	27.1%	4,505	13.9	3.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	108.19	46.0%	7,708	6.6	2.5
FUEVFVND	67.36	N/A	N/A	N/A	N/A
GAS	54.48	17.1%	4,531	27.5	4.6
VHM	40.97	35.3%	9,036	8.4	2.5
E1VFN30	32.61	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-128.13	22.4%	3,047	15.4	3.4
VPB	-98.41	17.0%	2,662	14.2	1.9
MBB	-73.91	22.6%	3,361	9.6	1.9
ACB	-70.41	23.9%	3,554	9.4	2.0
DGC	-67.20	45.9%	13,959	13.6	6.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	26.54	50.0%	10,421	4.8	1.9
DXG	16.39	10.3%	1,942	21.6	1.9
PC1	14.07	12.5%	3,002	13.4	1.5
VND	11.92	34.9%	7,476	10.2	3.9
SBT	9.06	9.5%	1,204	21.2	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-230.36	46.0%	7,708	6.6	2.5
GEX	-105.43	7.3%	1,490	27.6	1.7
VIC	-105.33	-1.9%	(717)	-	1.9
VCB	-104.21	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	-98.49	35.3%	9,036	8.4	2.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	41,898,600	46.0%	7,708	6.6	2.5
MBB	28,272,500	3250.0%	3,361	9.6	1.9
DXG	27,454,300	10.3%	1,942	21.6	1.9
FLC	25,769,800	0.7%	119	111.0	1.0
SSI	24,333,500	22.4%	3,047	15.4	3.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	13,913,238	4.7%	1,260	30.6	1.5
CEO	8,916,240	2.7%	362	193.4	5.1
SHS	7,695,345	30.1%	5,707	7.7	2.2
KLF	6,832,211	0.4%	40	168.3	0.6
HUT	4,760,999	1.9%	240	141.7	3.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FTM	↑ 7.0%	-111.0%	(4,465)	-	3.3
OGC	↑ 7.0%	11.0%	482	26.8	2.8
FCM	↑ 7.0%	2.3%	289	37.2	0.9
DAH	↑ 7.0%	6.6%	846	15.2	1.3
VAF	↑ 7.0%	6.1%	743	21.3	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDC	↑ 10.0%	-8.4%	(761)	-	2.5
THS	↑ 10.0%	9.7%	1,399	10.7	1.2
VGP	↑ 10.0%	9.1%	2,168	12.9	1.2
ONE	↑ 10.0%	6.2%	776	14.2	0.9
PMP	↑ 9.9%	10.3%	1,601	22.7	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	488,200	50.0%	10,421	4.8	1.9
DXG	400,900	10.3%	1,942	21.6	1.9
SBT	362,100	9.5%	1,204	21.2	2.0
PC1	332,300	12.5%	3,002	13.4	1.5
VND	221,500	34.9%	7,476	10.2	3.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	269,000	9.6%	1,508	51.2	4.9
PVI	47,600	11.2%	3,722	13.3	1.6
PGS	34,500	8.0%	1,587	18.6	1.5
KVC	11,300	-6.5%	(668)	-	0.7
INC	9,800	10.1%	1,301	10.9	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	401,791	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	331,803	35.3%	9,036	8.4	2.5
VIC	299,394	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	238,478	17.1%	4,531	27.5	4.6
HPG	228,566	46.0%	7,708	6.6	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,725	21.8%	2,805	61.9	9.6
KSF	32,250	9.1%	1,387	77.5	5.4
IDC	23,190	9.6%	1,508	51.2	4.9
PVS	18,449	4.7%	1,260	30.6	1.5
CEO	18,014	2.7%	362	193.4	5.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.92	-2.8%	(310)	-	0.8
SJF	3.20	2.2%	231	61.0	1.3
IDI	3.08	4.5%	600	29.9	1.3
DLG	3.08	0.7%	53	145.8	0.9
NHA	3.07	0.8%	80	823.3	6.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.14	7.0%	343	40.3	2.7
CEO	2.37	2.7%	362	193.4	5.1
ART	2.27	3.0%	350	32.0	1.0
SDA	2.12	10.4%	916	31.0	2.8
KLF	2.01	0.4%	40	168.3	0.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn